

Nhóm H

Hoàn thiện mặt bằng xây dựng -Quy phạm thi công và nghiệm thu

Finished building plans – Codes for construction, check and acceptance

1. Quy định chung

- 1.1 Quy định chung áp dụng trong thi công và nghiệm thu công tác hoàn thiện mặt bằng khu đất xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp.
- 1.2 Việc hoàn thiện mặt bằng xây dựng phải thực hiện đúng thiết kế, tuân theo yêu cầu của quy phạm này và các quy phạm hiện hành có liên quan.
- 1.3 Các công trình được xây dựng và hoàn thiện trên mặt bằng xây dựng bao gồm: sân chơi, đường đi, hàng rào, cây xanh và các hệ thống kỹ thuật hạ tầng phải được hoàn thiện đồng bộ trước khi đưa công trình vào sử dụng.
- 1.4 Đất đắp nền phải phù hợp với thiết kế. Cho phép dùng các loại đất cát, đất pha cát, đất sét, các loại xỉ, hỗn hợp tro xỉ, các loại đất thải không lẫn hữu cơ.
- 1.5 Tại các khu vực trồng cây, trồng cỏ phải có lớp đất màu để thoát nước.
- 1.6 Khi hoàn thiện mặt bằng xây dựng, sai lệch so với thiết kế không được vượt quá những trị số sau đây:
 - Sai lệch cao độ của lớp đất hữu cơ và lớp phủ mặt là ± 5 cm;
 - Sai lệch chiều dày của lớp đất hữu cơ là $\pm 20\%$;
 - Sai lệch chiều dày của lớp chống thấm, lớp lọc và lớp phủ mặt là $\pm 10\%$ nhưng không được lớn hơn 2cm;
 - Khi kiểm tra bề mặt bằng thước 3m thì khe hở cho phép giữa thước với mặt nền là 1,5cm đối với lớp phủ mặt bằng đất, đá dăm, sỏi, xỉ và 0,5cm đối với lớp phủ mặt bằng bê tông át phan, bê tông;
 - Sai lệch chiều rộng lớp phủ mặt bằng bê tông là 5cm; đối với tất cả các loại vật liệu khác là 10cm.
- 1.7 Việc thi công mặt đường đá dăm, mặt đường bê tông át phan phải tuân theo quy phạm hiện hành về thi công đường.

2. Chuẩn bị mặt bằng

- 2.1. Việc chuẩn bị mặt bằng xây dựng bao gồm giải phóng mặt bằng và làm các công tác chuẩn bị.
- 2.2. Trước khi giải phóng mặt bằng cần phải:
 - Xác định mạng lưới cọc mốc tọa độ và cao độ của khu đất xây dựng;
 - Xác định các công trình và cây xanh hiện có cần được giữ lại.
- 2.3. Công tác giải phóng mặt bằng phải làm toàn bộ hoặc từng phần trên khu đất xây dựng theo thiết kế tổ chức xây dựng bao gồm: chặt cây, phá dỡ công trình cũ, di chuyển các hệ thống kỹ thuật (điện, nước, thông tin...).
- 2.4. Công tác chuẩn bị mặt bằng thi công gồm san, đắp mặt bằng, xây dựng các công trình phục vụ thi công: kho, xưởng, bãi, đường đi, điện, nước... Công tác chuẩn bị mặt bằng thi công phải phù hợp với thiết kế tổ chức thi công.

- 2.5. Nếu có điều kiện hợp lí, có thể xây dựng trước một phần hệ thống đường đi, điện, cấp thoát nước chính thức của công trình để phục vụ thi công.
- 2.6. Những cụm cây xanh được giữ lại phải rào bảo vệ. Khi đào đất xung quanh những cây được giữ lại thì phải chừa lại vùng đất có đường kính lớn hơn 0,5 đường kính tán cây và không được đào sâu quá 30cm.
- 2.7. Các công trình (như nhà, hệ thống kĩ thuật...) hiện có trên mặt bằng xây dựng cần được tận dụng triệt để trong quá trình thi công.
- 2.8. Khi phá dỡ nhà, hệ thống kĩ thuật cũ, phải có biện pháp bảo đảm an toàn. Đối với nhà hai tầng trở lên và các công trình có kết cấu phức tạp cần phải có thiết kế phá dỡ.
- 2.9. Những vật liệu, cấu kiện, thiết bị còn tận dụng được, phải lựa chọn ra, đưa về nơi quy định để bảo quản và sử dụng.
- 2.10. Trước khi giải phóng mặt bằng phải cắt điện, nước và các hệ thống kĩ thuật khác sau khi có sự thỏa thuận của cơ quan quản lí các hệ thống đó.
Đối với hệ thống kĩ thuật ngầm phức tạp đặc biệt, đường dây điện cao thế, đường dây thông tin thì phải có thiết kế phá dỡ.
- 2.11. Khi nghiệm thu mặt bằng phải tiến hành theo các yêu cầu sau:
 - Sau khi phá dỡ những công trình và hệ thống kĩ thuật ngầm phải san phẳng và đầm nén chặt các hào và hố đào theo độ chặt yêu cầu;
 - Hệ thống thoát nước tạm thời phải bảo đảm thoát nước tốt mặt bằng không bị nước đọng;
 - Những cụm cây xanh giữ lại trong khu vực thi công phải được bảo vệ, tránh bị hư hại trong quá trình thi công;
 - Những cây đã chặt: gốc cây, rễ cây, các bụi cây phải được thu dọn;
 - Công tác san, lấp phải được hoàn thành đúng thiết kế, bảo đảm độ chặt và cao độ thiết kế.

3. Đường đi

- 3.1. Khi xây dựng hệ thống sân bãi, đường nội bộ trong khu nhà, vỉa hè phải tuân theo các quy định trong quy phạm hiện hành về xây dựng đường ô tô và quy phạm này.
- 3.2. Mặt đường đi, vỉa hè và sân bãi phải bảo đảm thoát nước, không lầy lội (khi mưa), không bụi (khi thời tiết khô ráo).
- 3.3. Đường đi, vỉa hè, sân bãi trong khu nhà ở phải xây bó vỉa. Chỉ đặt đá bó vỉa sau khi đã thi công xong mặt đường.
- 3.4. Đối với lớp đệm và lớp trung gian của đường đi cho phép dùng loại đá có kích thước từ 2,5 đến 12cm; đối với lớp vật liệu chèn phủ mặt: từ 2 đến 4cm; từ 1 đến 2cm và từ 0,5 đến 1cm.
- 3.5. Lòng đường cần được bảo vệ sạch, ổn định và an toàn bó vỉa. Khi bó vỉa cần theo đúng thiết kế và các quy định sau:
 - Chiều rộng của đá bó vỉa không tính vào chiều rộng mặt đường;
 - Có thể bó vỉa bằng đá, bằng bê tông hoặc xây gạch. Trường hợp dùng đá đẽo, đá xẻ theo kích thước thiết kế;
 - Mặt trên của đá bó vỉa phải bằng, các mối nối được chèn đầy vữa xi măng và bảo đảm chắc chắn;
 - Lớp đệm phải bảo đảm ổn định và liên kết tốt với đá bó vỉa bằng vữa xi măng.

- 3.6. Đá bó vữa phải đặt trên nền đất được nén chặt đến hệ số không nhỏ hơn 0,9 hoặc trên nền bê tông, mạch giữa các viên đá không được lớn hơn 1cm và được chèn bằng vữa xi măng mác không nhỏ hơn 50.

Mặt đường xi

- 3.7. Đối với mặt đường xi than chì thì chiều dày lớn nhất của lớp xi nén (ở trạng thái nén chặt) không được vượt quá 15cm. Trước khi rải xi lên nền đất phải tưới nước (30 lít/m^3 xi rời).
- 3.8. Khu lu lèn phải dùng lu nhẹ bánh nhãn trước và không tưới nước, sau đó mới dùng lu nặng để lu lèn và tưới nước (60 lít/m^3 xi rời). Sau khi đã lu lèn xong mặt đường phải được tưới nước bảo dưỡng trong khoảng từ 10 đến 12 ngày ($2,5 \text{ lít/m}^3$) xi rời.

Mặt đường bê tông

- 3.9. Mặt đường bê tông phải đặt trên nền cát đầm chặt đến hệ số không nhỏ hơn 0,95.
- 3.10. Chiều rộng của lớp phủ mặt đường bằng bê tông không có cốt thép không được lớn hơn 4,5m, nếu chiều rộng lớn hơn phải làm khe co, dãn. Khoảng cách giữa các khe co không được lớn hơn 6m; khoảng cách giữa các khe dãn không được lớn hơn 36m.
- 3.11. Bê tông mặt đường khi đổ xong phải được bảo dưỡng ngay sau 4 giờ. Có thể phủ lên bề mặt bê tông lớp cát ẩm có chiều dày 10cm để giữ độ ẩm trong thời gian 2 tuần. Chế độ bảo dưỡng bê tông phải tuân theo TCVN 4453-87.
- 3.12. Trường hợp phải cắt mặt đường để làm khe co, dãn phải dùng máy cắt bê tông chuyên dùng. Khe co, dãn phải có độ sâu không nhỏ hơn 1/4 chiều dày của lớp bê tông.
- 3.13. Các khe co, dãn phải được dọn sạch và làm khô lớp bê tông dưới đáy khe và được nhét đầy nhựa đường nóng có tỉ lệ 80% bi - tum và 20% cốt liệu cột. Nhiệt độ của nhựa đường trong thời gian đổ vào khe phải đạt tới từ 160 đến 180°C
- 3.14. Khi xây dựng mặt đường bê tông phải kiểm tra:
- Độ chặt và độ bằng phẳng của nền đường;
 - Kích thước, vị trí và cao độ của ván khuôn;
 - Chiều dày của lớp bê tông mặt;
 - Chế độ bảo dưỡng bê tông;
 - Độ bằng phẳng của mặt đường.
- 3.15. Mặt đường đi, vỉa hè, sân bãi được lát bằng các tấm bê tông đúc sẵn phải đặt trên nền cát đầm chặt có độ dốc từ 1 đến 2%. Các tấm đặt xong phải nằm khít với mặt nền, không được kên, rập rình khi có tải trọng. Chênh lệch độ cao giữa mép hai tấm cạnh nhau không được vượt quá 5 mm. Các mạch nối được chèn vữa theo yêu cầu thiết kế.

4. Hàng rào

- 4.1. Khi xây dựng hàng rào phải tuân theo các yêu cầu sau:
- Hàng rào (bao gồm cả cổng ra, vào công trình) phải được thi công theo đúng thiết kế, mặt trên hàng rào phải bảo đảm cao độ yêu cầu;
 - Vật liệu để làm hàng rào phải tuân theo các tiêu chuẩn Việt nam hiện hành;

- Nếu hàng rào là cây xanh thì phải gieo hạt hoặc trồng cây thành dãy trong rãnh có chiều rộng 50cm; cứ mỗi dãy trồng tiếp theo thì chiều rộng của rãnh phải tăng lên 20cm. Việc trồng cây xanh để làm hàng rào được quy định trong chương 6 của tiêu chuẩn này.
- 4.2. Phải rào hàng rào ngay sau khi chôn cọc. Đối với loại phải đổ bê tông chèn chân cọc thì tiến hành rào sau 2 tuần kể từ khi đổ bê tông chèn.
 - 4.3. Cọc gỗ làm hàng rào phải có đường kính không nhỏ hơn 14 cm, chiều dài không nhỏ hơn 2,3m. Phần cọc chôn trong đất phải được quét bi – tum.
 - 4.4. Cọc bê tông không được có đế phải chôn hố có đường kính không nhỏ hơn 30 cm và phải lấp và đầm chặt từng lớp một. ở chân cột phải đắp ụ đất cao hơn mặt đất 5 cm.
 - 4.5. Chỉ tiến hành đổ bê tông chèn chân cọc sau khi đã điều chỉnh cọc và đúng vị trí thiết kế.

Hàng rào dây thép

- 4.6. Hàng rào dây thép phải được rào theo địa hình của khu đất, các sợi dây nên song song với mặt đất và cách nhau không quá 25 cm. Hàng dây cuối cùng phải cao hơn mặt đất 20 cm.
- 4.7. Khi căng dây thép để rào phải bắt đầu từ hàng dây cuối cùng. Dây phải căng, không bị võng. Trường hợp có dây thép đặt theo chiều thẳng đứng thì phải buộc tất cả các chỗ giao nhau của dây thép.
- 4.8. Khi rào lưới thép phải chú ý:
 - Các tấm lưới thép phải được liên kết chặt với cọc. Cọc hàng rào được chôn trước hoặc chôn đồng thời với việc đặt lưới thép.

Hàng rào bê tông cốt thép lắp ghép

- 4.9. Khi lắp ghép hàng rào bằng các tấm bê tông đúc sẵn phải cạo sạch đất, vữa bê tông ở rãnh lắp ghép hai bên cọc.
- 4.10. Cọc bê tông cốt thép lắp ghép được đổ bê tông chèn chân cọc và giữ ổn định tạm thời trong một tuần. Bê tông chèn chân cọc có mác không dưới 200.
- 4.11. Đối với những nơi địa hình dốc, phải giữ khoảng hàng rào ở vị trí nằm ngang, chênh lệch độ cao giữa các đoạn khoảng hàng rào không được lớn hơn 1/4 chiều cao của khoang.
- 4.12. Khi nghiệm thu hàng rào phải kiểm tra:
 - Độ thẳng đứng và thẳng hàng.
 - Sai lệch so với thiết kế không được lớn hơn 2 cm.
 - Độ bền của hàng rào;
 - Không có những chỗ hư hỏng làm mất vẻ thẩm mỹ của hàng rào;
 - Hàng rào lưới thép phải được kẹp giữ chắc chắn;
 - Cọc hàng rào phải vững chắc, không bị lay động;
 - Đối với các cấu kiện lắp ghép phải kiểm tra độ kín khít chắc chắn;
 - Những cấu kiện thép, những chỗ hàn nối phải được sơn chống rỉ và sơn bảo vệ.

5. Sân chơi

- 5.1. Khi xây dựng sân chơi trong nhà ở phải thực hiện theo trình tự sau:
 - Xác định tìm mốc và giới hạn sân;
 - Làm hệ thống rãnh thoát nước bề mặt;
 - Rải lớp lót bằng vật liệu dễ thoát nước;
 - Xây dựng lớp phủ mặt sân;
 - Vạch các đường dấu mốc và đặt thiết bị thể thao.
- 5.2. Lớp lót được san bằng và lu lèn từng lớp một, phải có chiều dày không được quá 30cm đối với đất dính và đất cát có mô đun độ lớn nhỏ hơn 2; 20cm đối với đất cát có mô đun độ lớn hơn 2.
- 5.3. Lớp lọc phải sạch, không được lẫn rác, đá lớn xếp ở dưới đá nhỏ xếp ở trên, kích thước đá nhỏ nhất của lớp lọc không được nhỏ hơn 7cm.
- 5.4. Khi xây dựng sân chơi trong khu nhà ở, cần phải tuân theo các quy định sau:
 - a. Lớp tiếp giáp với đất nền không được nhỏ hơn 50cm và dùng vật liệu là đá dăm, sỏi, xỉ, gạch vụn có kích thước từ 40mm đến 70mm.
Cho phép dùng vật liệu có kích thước nhỏ hơn 40mm và lớn hơn 70mm với khối lượng không được lớn hơn 1/2 khối lượng của lớp vật liệu theo thiết kế.
 - b. Lớp trung gian không được nhỏ hơn 30mm và dùng vật liệu là đá dăm xỉ có kích thước từ 15 đến 20mm.
 - c. Lớp bề mặt phải dùng đá dăm, sỏi, xỉ có kích thước từ 5 đến 15mm. Cho phép dùng vật liệu có kích thước nhỏ hơn 5mm (nhưng không nhỏ hơn 3mm) với khối lượng không được lớn hơn 1/3 khối lượng của lớp vật liệu theo thiết kế.
- 5.5. Đối với sân chơi trồng cỏ thì lớp lót phải dùng loại đất có thành phần cỡ hạt gần như đất sét được trộn lẫn với cát theo tỉ lệ 1:1, có mô đun có độ lớn nhỏ hơn 2. Chiều dày của lớp lót đã lèn chặt không được nhỏ hơn 8cm.
- 5.6. Lớp đất hữu cơ của sân chơi trồng cỏ phải có thành phần cỡ hạt gần như đất sét, có phản ứng axit yếu (nồng độ pH bằng 6,5) và phải không được nhỏ hơn 8cm.
- 5.7. Khi thi công lớp phủ mặt sân chơi phải làm trước các bờ chắn; chôn bó vỉa làm bờ bê tông, bờ đất, không được rải và đầm nén vật liệu khi không có các bờ chắn.
- 5.8. Việc trồng cỏ trên sân phơi phải tuân theo các quy định hiện hành có liên quan.
- 5.9. Những ghế đá, bồn cát, tán che nắng ở chỗ nghỉ ngơi phải làm theo đúng thiết kế và các yêu cầu sau:
 - Nếu bằng gỗ thì phải dùng gỗ nhóm 3, được bào nhẵn và sơn bảo vệ chống mục.
 - Nếu bằng bê tông và bê tông cốt thép thì mặt phải nhẵn và có mác không thấp hơn 200;
 - Các cấu kiện bằng thép phải được liên kết chắc chắn;
 - Những cấu kiện trọng tải động như: đu treo, đu quay vòng, cầu thang.v.v...phải được kiểm tra độ vững chắc và độ bền.
- 5.10. Cát trong bồn cát cho trẻ em chơi chỉ được dùng cát mịn và không được lẫn với đá, đất sét...

6. Trồng cây xanh

- 6.1. Cây được trồng theo thiết kế sân vườn của thiết kế công trình hoặc của đơn vị chuyên môn về cây xanh. Nên chọn những cây khoẻ, có khả năng phát triển, không bị sâu bệnh.
- 6.2. Việc trồng cây xanh chỉ tiến hành sau khi đã rải xong lớp đất hữu cơ, làm xong đường đi, vỉa hè sân bãi, hàng rào và thu dọn sạch rác và phế liệu xây dựng.
- 6.3. Đất hữu cơ để trồng cây xanh phải được chuẩn bị theo đúng yêu cầu kĩ thuật canh tác, phù hợp với điều kiện khí hậu của từng vùng.
- 6.4. Đối với cây trồng có vầng đất thì cần đào hố sâu từ 65 đến 90 cm tùy theo loại và kích thước của cây. Đường kính hố đào phải rộng hơn đường kính vầng đất khoảng 0,5m.
- 6.5. Đối với các cây leo, hố đào phải có chiều sâu và đường kính 50cm. Hố trồng cây hoa phải có chiều sâu và đường kính 40cm.
- 6.6. Khi cây trồng có đường kính thân dưới 5cm, cao 130cm thì vầng đất có đường kính không được nhỏ hơn 50cm. Khi đường kính thân cây tăng lên 1cm thì đường kính của vầng đất phải tăng lên 10cm. Chiều cao vầng đất nên trong khoảng từ 50 đến 60cm.
- 6.7. Vầng đất phải được bó chặt lại ngay sau khi đánh lên trong vườn ươm. Những chỗ vầng đất bị nứt vỡ phải đắp thêm đất hữu cơ.
- 6.8. Đối với cây trồng không có vầng đất phải được phủ rơm, rạ ẩm hay che bạt trong khi vận chuyển đến nơi trồng.
- 6.9. Thời gian trồng cây thuận lợi nhất trong năm phụ thuộc vào điều kiện khí hậu và loại cây, tham khảo theo phụ lục 1.
- 6.10. Cây trước khi trồng phải được cắt đi những nhánh, và rễ bị hư hỏng, những chỗ cắt nhánh cây phải làm sạch và bôi vôi.
Những cây đã được đánh vầng nhưng chưa kịp trồng ngay thì phải được tập trung bảo vệ ở nơi kín gió.
- 6.11. Khi trồng cây ở nơi đất cát phải đổ một lớp đất sét có chiều dày 15cm xuống đáy hố. Khi trồng cây ở nơi đất chua, mặn thì phải làm lớp thoát nước bằng đá dăm, sỏi.v.v... dưới đáy hố (có chiều dày không nhỏ hơn 10cm).
- 6.12. Khi trồng cây trong mùa hanh, khô phải thực hiện theo đúng yêu cầu sau:
 - Cây trồng có vầng đất bó trong khung cứng. Chỉ được phép bó bằng lá, giấy, khi đào cây ở nơi đất sét chặt;
 - Không được làm vỡ vầng đất khi đào cây cũng như khi vận chuyển và trồng cây;
 - Ngọn cây trong khi vận chuyển phải được buộc lại và che đậy cho khỏi bị khô héo;
 - Sau khi trồng cây xong phải cắt bớt 30% lá, phải che nắng và tưới nước cho cây một tuần hai lần và trong thời gian 1 tháng.
- 6.13. Nên trồng cây trong mùa xuân. Mùa đông khi nhiệt độ ngoài trời thấp hơn 10°C thì không nên trồng cây. Phải dùng đất hữu cơ để lấp các hố cây.
- 6.14. Lớp đất hữu cơ trước khi gieo hạt cỏ phải được xới tơi, những loại hạt bé hơn 1mm khi gieo hạt cần trộn lẫn với cát khô tỉ lệ 1:1 theo thể tích, những loại hạt lớn hơn 1mm khi gieo trồng không cần trộn lẫn với cát khô.
- 6.15. Tiêu chuẩn tưới nước trong ngày cho cây mới trồng được quy định:
 - 20 lít/một cây trồng có đường kính vầng đất từ 0,7 đến 1m;

- 50 lít/một cây có đường kính vâng đất tới 1m;
 - 100 lít/một cây có đường kính vâng đất lớn hơn 1m;
 - 10 lít/một khóm cây hay một cây leo;
 - 10lít/m² diện tích trồng hoa hay trồng cỏ;
 - 5 lít/một cây hoa lâu năm.
- 6.16. Việc nghiệm thu cây sau khi trồng phải bảo đảm các yêu cầu sau:
- Chiều dày lớp đất hữu cơ ở chỗ trồng cây không được nhỏ hơn 10cm, kiểm tra bằng cách cứ 1.000m² diện tích trồng thì đào một hố thăm có kích thước 30x30cm, nhưng không ít hơn một cái trên một diện tích bất kì;
 - Đất hữu cơ phải màu mỡ, khi đất nghèo phải bón phân;
 - Cây trồng phải đúng theo thiết kế quy định, nếu phải thay thế bằng nhóm cây khác, cần tham khảo phụ lục 2.
- 6.17. Tổ chức nhận thầu phải chịu trách nhiệm về chất lượng trồng cây xanh theo quy định hiện hành.

Phụ lục 1

(Tham khảo)

Thời gian trồng cây thuận lợi nhất

Đặc điểm vùng khí hậu	Bụi cây và cây		Cỏ và hoa	
	Trông vào mùa xuân	Trông vào mùa thu	Bắt đầu trồng	Kết thúc trồng
Khí hậu nhiệt đới gió mùa (nóng và ẩm)	Tháng 2 và 3	Tháng 8	Tháng 2	Tháng 11

Phụ lục 2

(Tham khảo)

Nhóm cây có thể thay thế cho nhau

(Dựa vào giá trị sử dụng của cây)

Bảng 1 - Cây bóng mát

Cây bóng mát hoa đẹp	Cây bóng mát hoa thơm	Cây bóng mát ăn quả	Cây bóng mát thường	
1	2	3	4	5
Võng	Bưởi	Mít	nhôi	Thông nhựa
Phượng	Hoè	Muối	Đẹn	Thông đuôi ngựa
Lim, xẹt	Bứa	Dừa	Mít rừng	Bách tán
Ban	Ngọc Lan	Bưởi	Gội tía	Đậu ma
Kẹn	Hoàng Lan	Hồng xiêm	Sến	Bời bời nhót
Sữa	Lan tua	Vú sữa	Liễu	Gội trắng
Gạo	Muồng vàng	Hồng bì	Bồ đề	Chiêu liêu

Dâu da Xoan Trầu	Chanh	Ổi	Dái ngựa	Sung hoa
		Sấu Nhân Vải Khế Thị Me Hong Xoài Dâu da xoan Gioi Nhót Trám	Doc Nụ Lộc vùng Xoan Dầu nước Chò nâu Chò chỉ Long não Vàng tâm Bàng Đê Trám Lát hoa Kim giao Giáng hương Muồng ngưng Đa lông Si Đa búp đỏ Phi lao	Nhựa duối

Bảng 2 - Cây trang trí

Tre, trúc	Cau, dừa	Cây cảnh đáng đẹp	Cây cảnh hoa đẹp	Cây cảnh quả đẹp	Cây cảnh leo đẹp	Cây hàng rào	Cây viên bồn	Cây hoa
Trúc chỉ	Cau bụi	Cam	Phù dung Đào	Quất	Angtigon	Dâm bụi	Xương rồng rồng tàu	Hoa sen Hoa xô
Trúc bụng phật	Cau để	Cam chanh	Mận	Cam	Bìm bìm	Duối lá đơn	Thanh tảo	Hoa mào gà
Trúc đuôi gà	Cà xanh	Chuối	Mô	Lựu	Chùm ớt	Ô rô	Bông nở	Cúc ngũ sắc
Trúc sào	Cọ xẻ	Mộc	Mẫu đơn	Mơ	Dây bông xanh	Xương rồng tàu	Tài tượng	
Trúc cần câu	Cau bụng	Phật bà	Trà	Đào	Đại vàng			Dừa cạn Đồng tiền
Trúc hoà long	Móc	Na	Đại	Mận		Găng	Tía tô	Hoa đơn
Trúc	Cọ sấu		Trúc đào đỏ		Đặng tiêu		cảnh	

